

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2018/DS - PT
Ngày 26 - 6 - 2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Nguyệt

Các Thẩm phán:

Ông Trương Thanh Dũng

Bà Nguyễn Lệ Kiều

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Trung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Phan Thanh Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2018/TLPT-DS ngày 02 tháng 5 năm 2018 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 22/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 42/2018/QĐ-PT ngày 07 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị B (tên gọi khác Bảy H), sinh năm 1948;
Địa chỉ: ấp IV, xã H, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

- Đồng bị đơn: 1. Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1977

2. Bà Võ Thị C, sinh năm 1978

Cùng địa chỉ: IV, xã H, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn G: Bà Võ Thị C, sinh năm 1978; Địa chỉ: ấp IV, xã H, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

- Người kháng cáo: Bị đơn bà Võ Thị C.

(Bà B; bà C có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 10 năm 2017, tại lời khai và phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị B trình bày: Ngày 02/7/2012 âm lịch, bà B cho ông Nguyễn Văn G và bà Võ Thị C vay số tiền 15.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5%/ tháng,

khi cho vay thì không có làm biên nhận, không thỏa thuận thời hạn trả nợ, khi nào ông G, bà C có tiền thì trả nợ gốc, còn tiền lãi thì thanh toán hàng tháng. Ông G và bà C đã đóng lãi cho bà B đến tháng 10/2012 âm lịch, từ tháng 11/2012 không đóng lãi cũng không trả tiền vốn. Ngày 10/8/2012 âm lịch, bà B cho ông G và bà C vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5%/ tháng, khi cho vay bà C có làm biên nhận, không thỏa thuận thời hạn trả nợ, khi nào ông G, bà C có tiền thì trả nợ gốc, còn tiền lãi thì thanh toán hàng tháng. Ông G và bà C đã đóng lãi cho bà B đến tháng 01/2013 âm lịch, từ tháng 02/2013 không đóng lãi cũng không trả tiền vốn.

Tổng cộng bà B cho ông G và bà C vay số tiền nợ gốc là 25.000.000 đồng. Đối với số tiền gốc 15.000.000 đồng thì ông G và bà C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ tháng 11/2012 nhưng bà B xác định chỉ yêu cầu ông G, bà C trả lãi từ ngày 01/02/2013 âm lịch đến nay theo quy định pháp luật đối với số tiền gốc là 25.000.000 đồng.

Bị đơn bà Võ Thị C (cũng là người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn Nguyễn Văn G) trình bày: Vào ngày 10 tháng 8 âm lịch (không nhớ năm nào), bà C có hỏi vay của bà B số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng, bà C có ký tên vào biên nhận nợ. Khi cho vay hai bên thỏa thuận tháng nào trả lãi tháng đó, còn khi nào có tiền thì trả nợ gốc. Bà C không thừa nhận có vay của bà B số tiền 15.000.000 đồng. Bà C xác định đã đóng lãi đầy đủ cho bà B, sau đó trả tiền gốc cho bà B nhiều lần mỗi lần 500.000 đồng hoặc 1.000.000 đồng, đến năm 2014 thì đã trả được 5.000.000 đồng. Việc trả tiền không có làm giấy tờ, không có ai chứng kiến. Ngày 17/4/2017 tại nhà bà C, bà C đã đưa tiền cho ông C (họ tên và địa chỉ nơi cư trú của ông C bà C không biết) để trả tiền cho bà B 2.000.000 đồng, khi đưa tiền chỉ có bà C và ông C không có ai chứng kiến, cũng không có làm biên nhận. Ngày 17/5/2017 tại nhà bà C, bà C tiếp tục đưa tiền cho ông C để trả tiền cho bà B 3.000.000 đồng, khi đưa tiền có bà C, ông C và có ông Trần Văn T là người ở gần nhà bà C chứng kiến, bà C tự viết biên nhận ghi gộp số tiền trả ngày 17/4 và ngày 17/5 tổng cộng là 5.000.000 đồng gốc, ông C và ông T có ký tên vào biên nhận này. Khi bà C viết biên nhận do cây viết bị ghè nên không rõ nét. Bà C xác định đã trả thêm cho bà B 5.000.000 đồng gốc nữa là 10.000.000 đồng mà vợ chồng bà đã vay, do đó, bà C không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của bà B.

Từ những nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 22/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471; Điều 474; Điều 476, Điều 477 Bộ luật dân sự 2005; khoản 2 Điều 357, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị B:

Buộc ông Nguyễn Văn G và bà Võ Thị C có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị B số tiền 14.525.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị B về việc đòi ông Nguyễn Văn G và bà Võ Thị C trả số tiền 15.000.0000 đồng.

2/. Về án phí: Bà Lê Thị B phải chịu 750.000 đồng, bà B đã dự nộp tạm ứng án phí 625.000 đồng tại biên lai thu số 0010332 ngày 26/10/2017 nên được chuyển thu án phí, bà B còn phải nộp tiếp số tiền 125.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm ông Nguyễn Văn G và bà Võ Thị C phải chịu 725.250 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 06/4/2018 bị đơn bà Võ Thị C kháng cáo bản án số: 03/2018/DS-ST ngày 22/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Nội dung bà C kháng cáo không đồng ý trả cho bà B số tiền 14.525.500 đồng do bà C cho rằng đã trả hết nợ cho bà B.

Tại phiên Tòa phúc thẩm bà C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 bác kháng cáo của bà Võ Thị C; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, qua ý kiến trình bày của các đương sự, đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, bà B và bà C thống nhất xác định thực tế giữa các bên có giao dịch vay tiền với nhau. Cụ thể, bà C thừa nhận có vay của bà B số tiền 10.000.000 đồng. Do các bên đương sự đã tự thống nhất vấn đề nêu trên nên đây là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Bà B khởi kiện yêu cầu ông G và bà C trả số tiền đã vay, cụ thể: Ngày 02/7/2012 âm lịch vay số tiền 15.000.000 đồng; ngày 10/8/2012 âm lịch vay số tiền 10.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 01/02/2013 âm lịch đến nay theo quy định pháp luật đối với tổng số tiền gốc là 25.000.000 đồng. Hội đồng xét

xử xét thấy, đối với số tiền 15.000.000 đồng bà B cho rằng bà đã cho ông G và bà C vay nhưng không làm giấy tờ, chỉ nói miệng, khi giao tiền cho bà C và ông G cũng không có ai chứng kiến. Nay bà C không thừa nhận có vay số tiền 15.000.000 đồng như lời bà B trình bày, bà B cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà đối với số tiền bà yêu cầu ông G, bà C trả 15.000.000 đồng, nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của bà B. Bà B không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị đối với phần quyết định này của bản án sơ thẩm, đã có hiệu lực pháp luật.

[4] Xét nội dung kháng cáo của bà C không đồng ý trả số tiền 14.525.500 đồng, trong đó số tiền gốc là 10.000.000 đồng và tiền lãi là 4.525.500 đồng, Hội đồng xét xử xét: Bà B trình bày ngày 10/8/2012 âm lịch, bà B cho ông G và bà C vay số tiền 10.000.000 đồng, khi cho vay thì bà C có làm biên nhận. Hai bên cho vay không thỏa thuận thời hạn trả nợ, khi nào ông G, bà C có tiền thì trả nợ gốc còn tiền lãi thì thanh toán hàng tháng. Ông G và bà C đã đóng lãi cho bà B đến tháng 01/2013 âm lịch, từ tháng 02/2013 thì không đóng lãi cũng không trả tiền vốn cho bà B, nên bà B khởi kiện yêu cầu ông G, bà C trả cho bà số tiền gốc là 10.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật tính từ ngày 01/02/2013 âm lịch đến nay. Xét thấy, bà C không thừa nhận có ký tên vào biên nhận (BL 21) mà bà B cung cấp nhưng tại biên bản ghi lời khai ngày 15/11/2017 (BL 27-29) bà C thừa nhận có vay của bà B số tiền 10.000.000 đồng vào ngày 10/8 âm lịch nhưng không nhớ năm nào, còn bà B thì xác định cho vay vào ngày 10/8/2012 âm lịch, bà C không phản đối lời trình bày của bà B nên căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự sự việc này bà B không phải chứng minh.

[5] Bà Chon cho rằng đã trả đủ số tiền gốc 10.000.000 đồng cho bà B nhiều lần, khi trả tiền không có làm biên nhận, nhưng có lần vào ngày 17/5/2017 âm lịch bà C giao tiền cho người tên C 3.000.000 đồng để trả cho bà B thì có ông Trần Văn T chứng kiến. Xét thấy, tại biên bản ghi lời khai ngày 20/3/2018 (BL 65-67) ông T xác định ông chỉ biết bà C có đưa 3.000.000 đồng cho một người lạ mặt, nhưng không biết lý do vì sao đưa tiền, do đó, lời trình bày của ông T và bà C chưa thống nhất nên không chấp nhận chứng cứ này do bà C cung cấp. Mặt khác, bà B không thừa nhận có nhận số tiền gốc 10.000.000 đồng bà C đã trả, bà C cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh lời trình bày của bà, do đó, cấp sơ thẩm nhận định buộc bà C, ông G có trách nhiệm trả cho bà B số tiền 10.000.000 đồng là có cơ sở, nên cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà C.

[6] Đối với yêu cầu tính lãi suất của bà B: Bà C trình bày đã đóng lãi đủ cho bà B, tuy nhiên, bà B thừa nhận chỉ nhận tiền lãi của bà C 05 kỳ, bà C không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình nên có căn cứ chấp nhận lời trình bày của bà B. Do bà B và bà C thống nhất không yêu cầu Tòa án điều chỉnh số tiền lãi suất đã thanh toán, bà B chỉ yêu cầu tính lãi suất từ ngày 01/02/2013 âm lịch, tương ứng ngày 12/3/2013 dương lịch đến ngày xét xử sơ thẩm nên cấp sơ thẩm tính số tiền lãi suất mà bà C, ông G có trách nhiệm trả cho bà B với số tiền gốc 10.000.000 đồng là: $(10.000.000 \text{ đồng} \times 9\%/\text{năm} \times 05 \text{ năm } 10 \text{ ngày}) = 4.525.500 \text{ đồng}$ là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật nên được giữ nguyên.

[7] Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị C; có căn cứ chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

[8] Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị C không được chấp nhận nên bà C phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 ;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị C; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2018/DS-ST ngày 22 tháng 03 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471; Điều 474; Điều 476, Điều 477 Bộ luật dân sự 2005; khoản 2 Điều 357, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị B. Buộc ông Nguyễn Văn G và bà Võ Thị C có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị B số tiền 14.525.000 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị B về việc đòi ông Nguyễn Văn G và bà Võ Thị C trả số tiền 15.000.0000 đồng.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn G và bà Võ Thị C phải chịu 725.250 đồng. Bà Lê Thị B phải chịu 750.000 đồng, bà B đã dự nộp tạm ứng án phí 625.000 đồng tại biên lai thu số 0010332 ngày 26/10/2017 nên được chuyển thu án phí, bà B còn phải nộp tiếp số tiền 125.000 đồng.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Võ Thị C phải chịu 300.000 đồng. Bà Võ Thị C đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo các biên lai thu số 0011631 ngày 06/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí, không được hoàn lại.

Sau khi bản án có hiệu lực và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền

yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. HCM (01 bản);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- TAND huyện P (01 bản);
- CCTHADS huyện P (01 bản);
- Đương sự (03 bản);
- Lưu HS, TDS (01 bản), Tổ HCTP (01 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Minh Nguyệt